

Bản án số: 83/2018/HS-ST
Ngày 31-5-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Huy Hiệp.

Thẩm phán: Bà Tòng Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

Ông Nguyễn Hồng Sơn.

Bà Lèo Thị Chan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Thanh Nghị, là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 63/2018/TLST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2018/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Đỗ Thị V (tên gọi khác: không có), sinh năm 1971 tại xã Th, huyện NS, tỉnh Thanh Hóa; nơi đăng ký NKTT: thôn 4 xã Th, huyện NS, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: thôn HT, xã Q, thị xã Đ (nay là thành phố Đ), tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Thế Ph và bà Mai Thị C (đều đã chết); chung sống như vợ chồng với Mai Quang Tr (đã chết), có 04 con (con lớn sinh năm 1999, con nhỏ nhất sinh năm 2010); tiền án: Bản án số 09/2008-HSST ngày 18/3/2008 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Ninh Bình đã xử phạt Đỗ Thị V 11 năm về tội mua bán trái phép chất ma túy (tổng hợp với hình phạt 21 năm 04 tháng 23 ngày tại bản án số: 139/2007 ngày 10/9/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh hóa về tội mua bán trái phép chất ma túy và lưu hành tiền giả, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 30 năm tù). Được hoãn chấp hành hình phạt tù theo các Quyết định số 01 ngày 11/02/2011, số 03 ngày 02/5/2013, số 05 ngày 29/7/2014 của Tòa án nhân dân thị xã Đ; tiền sự: Không có; bị bắt theo lệnh truy nã ngày 27/4/2017, hiện đang bị tạm giam, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Trần Bích L, là Luật sư văn phòng luật sư Niềm tin công lý, thuộc đoàn luật sư tỉnh Sơn La, có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Trần Đình Ch, sinh năm 1983, trú tại thôn Tân Thượng, xã Q, thị xã Đ (nay là thành phố Đ), tỉnh Ninh Bình, vắng mặt.

- Người làm chứng: Tráng A C, sinh năm 1979, trú tại bản LL, xã LL, huyện V, tỉnh Sơn La (hiện đang chấp hành án tại trại giam Yên Hạ, Tổng cục VIII, Bộ Công an), có mặt.

Nguyễn Thị L1, sinh năm 1968, trú tại thôn HT, xã Q, thị xã Đ (nay là thành phố Đ), tỉnh Ninh Bình (hiện đang chấp hành án tại trại giam Tân Lập, Tổng cục VIII, Bộ Công an), có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 07 giờ 20 phút ngày 30/12/2014, vụ tại khu vực bản Kh, xã LL, huyện V, tỉnh Sơn La, tổ công tác phòng PC47 - Công an tỉnh Sơn La phối hợp với Công an huyện V, Công an huyện Mộc Ch trong khi làm nhiệm vụ đã kiểm tra phát hiện bắt quả tang Tráng A C đang vận chuyển 03 bánh bột nén màu trắng (trong hộp bánh SOLITE) và 442.500.000 đồng. Kết quả cân tịnh 03 bánh bột nén màu trắng đã thu giữ của C có tổng trọng lượng 1.033,5 gam, tại bản Kết luận giám định số: 52/KLMT ngày 31/12/2014 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Sơn La đã kết luận: “*Mẫu chất bột màu trắng ký hiệu CM1A, CM2A, CM3A đều có thành phần Hêrôin*”. Kết luận giám định số: 194/C54 (P7) ngày 22/01/2015 của Viện khoa học hình sự Tổng cục Cảnh sát, kết luận: “*Hàm lượng Hêrôin trong các mẫu ký hiệu CM1B: 35,8%; CM2B: 36%; CM3B: 35,5%*”.

Mở rộng điều tra cùng ngày Cơ quan cảnh sát điều tra (PC47) - Công an tỉnh Sơn La ra lệnh bắt khẩn cấp đối với Nguyễn Thị L1, thu giữ: 430.000 đồng, 01 điện thoại di động NOKIA màu đen và một số đồ vật, tài sản liên quan.

Quá trình điều tra Tráng A C, Nguyễn Thị L1 khai nhận:

Cuối năm 2013 Tráng A C đem cành đào ra đường QL6 thuộc địa bàn xã LL, huyện V để bán, C gặp một người phụ nữ giới thiệu tên là V, nhà ở Ninh Bình (không nói địa chỉ cụ thể). V hỏi mua ma túy với C, C đồng ý và hai người cho nhau số điện thoại để liên lạc. V nói khi nào lấy ma túy thì V gọi điện thoại hẹn trước. Đến tháng 11/2014 có một người đàn ông dân tộc Mông (Lào) tên là Sùa (không rõ địa chỉ cụ thể) đến nhà C, Sùa nói hiện đang có Hêrôin muốn bán với giá 130.000.000đ/1 bánh, C nói khi nào cần mua Hêrôin thì sẽ gọi điện cho Sùa mang Hêrôin sang để bán, trong tháng 12/2014 Đỗ Thị V, Tráng A C, Nguyễn Thị L1 đã ba lần mua bán Hêrôin cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 06/12/2014, V gọi điện cho Cầu đặt mua 01 bánh Hêrôin, hai người thống nhất giá 150.000.000đ/1bánh. Cầu gọi điện báo Sùa mang một bánh Hêrôin đến khu vực cây xăng thuộc xã Lóng Luông, huyện Vân Hồ bán cho Cầu với giá 130.000.000đ, hẹn sau khi bán được Hêrôin mới trả tiền, Sùa đồng ý. Sau đó, Cầu gọi điện thông báo cho Viết là đã có Hêrôin, V nói sẽ cho người mang tiền lên và nhận Hêrôin, Cầu đồng ý. V gặp L1 ở quán Karaokê Thái Dương (V là em chồng L1, hiện tại L1 làm thuê cho quán Karaokê Thái Dương địa chỉ Thôn HT, xã

Q, Thị xã Đ, tỉnh Ninh Bình), V đã thuê L1 mang tiền lên Sơn La giao cho người đàn ông dân tộc và nhận Hêrôin mang về, Viết sẽ trả tiền công 10.000.000đ, L1 đồng ý. Viết cho L1 số điện thoại của C để liên lạc (L1 lưu trong điện thoại là “Tọc” khi bị bắt mới biết tên là Cầu). Sau đó V gọi xe Taxi do Trần Đình Ch điều khiển chở L1 đi lên V, Sơn La. Trước khi đi V đưa cho L1 một túi nilon màu đen trong có 150.000.000đ để mua 01 bánh Hêrôin của C và 5.000.000đ để trả tiền taxi. Trên đường đi L1 gọi điện cho Cầu nói lên nhận Hêrôin cho V thì Cầu hẹn gặp giao nhận Hêrôin tại Km 150 thuộc địa phận xã LL, huyện Vân Hồ. Khoảng 6h ngày 07/12/2014 L1 đến điểm hẹn thì thấy Cầu ngồi trên xe ô tô đỗ ven đường, L1 xuống xe, đi bộ đến giao túi nilon đựng tiền cho Cầu và nhận một hộp bánh Bông Lan trong có 01 bánh Hêrôin. Sau đó L1 đi xe Taxi đem hộp bánh bên trong có 01 bánh Hêrôin về Ninh Bình giao cho V và được trả tiền công 10.000.000 đồng. Sau khi Cầu nhận bọc tiền từ L1 đem về nhà kiểm tra đủ 150.000.000đ, C gọi điện bảo Sùa đến nhà C và trả cho Sùa 130.000.000đ.

Lần 2: Ngày 17/12/2014, V lại gọi điện cho Cầu hỏi mua hai bánh Hêrôin, hai người thống nhất giá 150.000.000đ/1bánh. Sau đó Cầu gọi điện bảo Sùa mang hai bánh Hêrôin đến khu vực cây xăng xã Lóng Luông huyện Vân Hồ bán cho Cầu với giá 130.000.000đ và hẹn sau khi bán được Hêrôin sẽ trả tiền sau, Sùa đồng ý. Sau đó, Cầu gọi điện thông báo cho Viết là đã có Hêrôin, V nói sẽ cho L1 mang tiền lên và nhận Hêrôin, Cầu đồng ý. V gặp L1 tại quán Karaoke Thái Dương, V đưa cho L1 một bọc tiền (gói trong túi nilon màu đen) bảo L1 cầm lên giao cho Cầu và nhận 02 bánh Hêrôin đem về, Viết sẽ trả tiền công 10.000.000đ và 5.000.000đ để L1 trả tiền thuê Taxi, L1 đồng ý. Khoảng 13h cùng ngày, L1 gọi xe Taxi do Trần Đình Ch điều khiển chở L1 đi V, Sơn La. Dọc đường L1 gọi điện cho Cầu và Cầu hẹn gặp tại km 150 thuộc địa phận xã LL, huyện Vân Hồ. Khoảng 18h ngày 17/12/2014 L1 đến điểm hẹn thì thấy Cầu ngồi trên xe Ô tô đỗ ven đường, L1 xuống xe Ô tô đi đến giao túi nilon đựng tiền cho Cầu và nhận một hộp bánh Bông Lan trong có 02 bánh Hêrôin. Sau đó L1 đi xe Taxi đem hộp bánh có 02 bánh Hêrôin về Ninh Bình giao cho V và được trả tiền công 10.000.000 đồng. Sau khi Cầu nhận bọc tiền từ L1 đem về nhà kiểm tra đủ 300.000.000đ, C gọi điện bảo Sùa đến nhà C và trả cho Sùa 260.000.000đ.

Lần 3: Khoảng 17 giờ ngày 29/12/2014, V gọi điện cho C đặt mua 03 bánh Hêrôin với giá 150.000.000đ/1bánh và sẽ cho L1 lên nhận. Sau đó Cầu gọi điện bảo Sùa 5h ngày 30/12/2014 mang ba bánh Hêrôin đến khu vực cây xăng thuộc xã LL, huyện V bán cho C, Sùa đồng ý. Sau đó, Cầu gọi điện bảo Viết lên nhận Hêrôin. Đến khoảng 20h cùng ngày, V gặp L1 tại quán Karaoke Thái Dương và giao cho L1 bọc tiền để trong túi nilon màu đỏ (V không nói cho L1 biết số tiền cụ thể là bao nhiêu) và bảo lên giao cho Cầu và nhận 03 bánh Hêrôin đem về, Viết sẽ trả công 10.000.000đ, và đưa 5.000.000đ để L1 trả tiền thuê Taxi, L1 đồng ý. Khoảng 01h ngày 30/12/2014, L1 gọi xe Taxi do Trần Đình Ch điều khiển chở L1 đi V, Sơn La. Khoảng 5h cùng ngày, trên đường đi L1 gọi điện thoại hỏi C hỏi thời gian, địa điểm giao nhận ma túy, C nói sẽ liên lạc lại sau. Sau đó, C điều khiển xe ô tô BKS: 26A - 00707 đến khu vực cây xăng LL, trên Quốc Lộ 6 gặp Sùa nhận 03 bánh Hêrôin để trong hộp bánh nhãn hiệu SOLITE. C trả cho Sùa 390.000.000đ rồi điều khiển xe ô tô về nhà. C mở hộp bánh ra kiểm tra thấy bên trong có 03 bánh Hêrôin, sau đó Cầu mang ra để ở sàn xe sau ghế bên phụ ô tô. Do vợ C là Giàng Thị

Mo bị ốm nên C gọi Mo dậy để tiện đường đi bán ma túy thì đưa Mo đến Trạm xá xã LL để khám bệnh và tiêm thuốc. Mo lên xe ô tô và ngồi ở ghế phía sau xe (C không nói cho Mo biết trên xe có Hêrôin). Trên đường đi C và L1 điện thoại hẹn gặp nhau ở khu vực rừng già để giao ma túy. Khi đến điểm hẹn thì C thấy L1 đang đứng ở đầu xe ô tô nhãn hiệu Matiz màu xanh và đi bộ sang phía xe ô tô của C. L1 đưa bọc nilon màu đỏ bên trong có 3 cục tiền đã được gói kín cho C. Do C nghi ngờ số tiền L1 đưa chưa đủ 450.000.000 nên chưa giao ma túy cho L1 mà C cầm tiền mang về nhà kiểm tra đủ tiền mới giao ma túy. Do C chưa giao ma túy nên L1 bảo Ch lái xe đi theo sau xe C. Khi đi đến khu vực bản Kh, xã LL, huyện V thì bị lực lượng Công an dừng xe kiểm tra, phát hiện và bắt quả tang thu giữ vật chứng như nêu trên, còn L1 bị bắt khẩn cấp ngay sau đó.

Căn cứ kết quả điều tra ngày 17/06/2015 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sơn La ra quyết định khởi tố bị can, ra Lệnh bắt tạm giam đối với Đỗ Thị V về tội: Mua bán trái phép chất ma túy. Đỗ Thị V bỏ trốn khỏi địa phương không bắt được, Cơ quan điều tra đã ra lệnh truy nã, ngày 27/04/2017 Đỗ Thị V bị bắt theo lệnh truy nã.

Sau khi bị bắt Đỗ Thị V khai nhận trong thời gian được hoãn chấp hành hình phạt tù, vào cuối năm 2013 V có lên Sơn La mua cảnh đào và có quen biết Tráng A C. Quá trình điều tra tiếp theo V không thừa nhận đã quen biết Tráng A C và không thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy như Tráng A C, Nguyễn Thị L1 đã khai.

Đối với Nguyễn Thị L1, Tráng A C đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử, tại bản án số 02/2015/HSST ngày 23/10/2015 tuyên phạt Nguyễn Thị L1, Tráng A C mức án 20 năm tù; Tráng A C đã bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao xét xử tại bản án số 140/2016/HSPT ngày 18/3/2016 tuyên phạt tù chung thân.

Đối với Trần Đình Ch, là lái xe Taxi đã chở Nguyễn Thị L1 đi từ Ninh Bình lên V, Sơn La để nhận ma túy. Quá trình điều tra Trần Đình Ch khai được chở L1 đi lên Vân hồ Sơn La nhưng không biết việc L1 mua bán trái phép chất ma túy, việc chở L1 đi là do L1 thuê và trả tiền theo Km quãng đường đi, Ch không liên quan đến hành vi phạm tội của C, L1 và V.

Đối với đối tượng tên Sùa người Lào là người đã bán ma túy cho C, do C không biết họ tên, địa chỉ cụ thể và cũng không nhớ số điện thoại của Sùa, nên cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra mở rộng vụ án.

Tại Cáo trạng số 25/VKS-P1 ngày 12/3/2018, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố bị cáo Đỗ Thị V về tội mua bán trái phép chất ma túy theo điểm b khoản 4 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo Đỗ Thị V đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng truy tố, bị cáo khai do có một người đàn ông quen biết đến nhờ bị cáo đi mua ma túy và trả tiền công 20 triệu đồng cho mỗi lần đi mua, do đó bị cáo đã 03 lần liên hệ với Tráng A C để mua Hêrôin, sau mỗi lần gọi điện hỏi mua Hêrôin khi C báo có Hêrôin thì bị cáo bảo Nguyễn Thị L1 cầm tiền lên giao cho C và nhận Hêrôin về để bị cáo giao cho người đàn ông kia, việc mua bán Hêrôin giữa bị cáo, L1 với Tráng A C thể hiện đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố. Về số Hêrôin L1 giao cho bị cáo, bị cáo đã giao cho người đàn ông đã thuê bị cáo tại cầu Đ, Ninh Bình, bị cáo không biết tên, địa chỉ và số điện thoại của

người đàn ông đó vì người đó chủ động tìm gặp bị cáo trong mỗi lần đưa tiền và nhận ma túy. Đối với Trần Đình Ch bị cáo không có quan hệ gì, chỉ biết Ch là lái xe Taxi thường đưa đón khách đến quán Karaoke của gia đình bị cáo, bị cáo không được gọi điện thuê Ch lái xe Taxi đưa L1 đi lên LL, V, Sơn La.

- Tại phiên tòa Tráng A C khai nhận: Đỗ Thị V là người trực tiếp liên lạc qua điện thoại để đặt mua Hêrôin với C, sau đó V cho Nguyễn Thị L1 lên xã LL, huyện V, tỉnh Sơn La gặp C để giao tiền và nhận Hêrôin, C đã 03 lần trao đổi mua bán Hêrôin với V, sau đó L1 trực tiếp lên nhận Hêrôin, gồm: lần 1 vào ngày 07/12/2014 C giao cho L1 01 bánh Hêrôin và nhận 150.000.000đ; lần 2 ngày 17/12/2014 C giao cho L1 02 bánh Hêrôin và nhận 300.000.000đ; lần 3, ngày 30/12/2014 C đem theo 03 bánh Hêrôin đến địa điểm gặp L1 để giao, L1 đã đưa cho C 01 túi ni lon màu đỏ bên trong đựng tiền, do nghi ngờ chưa đủ tiền nên C chưa giao Hêrôin cho L1 và hẹn L1 chiều mới giao, khi C quay xe lại đi về hướng xã Lóng Luông thì bị Công an kiểm tra thu giữ vật chứng, sau đó L1 cũng bị bắt.

- Tại phiên tòa Nguyễn Thị L1 khai: L1 chung sống với Đỗ thế Phùng (anh trai Đỗ Thị V) nhưng không đăng ký kết hôn. Do điều kiện khó khăn phải vay nợ nhiều nên L1 và Phùng cùng làm thuê tại quán Karaoke của gia đình V, trong thời gian làm tại quán, V có bảo L1 đem tiền lên xã Lóng Luông, huyện V, tỉnh Sơn La gặp Tráng A C để mua Hêrôin về giao cho V, để có tiền trả nợ nên L1 đã đồng ý. L1 đã lên xã LL, huyện V, Sơn La gặp C mua Hêrôin giúp V 03 lần, cụ thể: lần 1 vào ngày 07/12/2014 giao cho C 150.000.000đ và nhận 01 bánh Hêrôin về giao cho V trót lọt (được V trả nợ giúp 10.000.000đ); lần 2 ngày 17/12/2014 giao cho C 300.000.000đ và nhận 02 bánh Hêrôin về giao cho V trót lọt (lần này L1 được V trả nợ giúp 10.000.000đ); lần 3 khoảng 7 giờ 30 ngày 30/12/2014 L1 lên gặp C tại khu vực bản Kh, xã LL, huyện V, tỉnh Sơn La, L1 đã giao cho C 01 túi ni lon màu đỏ bên trong đựng tiền để mua 03 bánh Hêrôin, nhưng do C chưa giao Hêrôin và hẹn L1 chiều mới giao, khi C quay xe lại đi về hướng xã Lóng Luông thì L1 bảo Trần Đình Ch là lái xe Taxi đi theo sau C để tìm chỗ ăn sáng, khi đi được khoảng 02 km thì bị Công an bắt giữ do trước đó đã bắt quả tang đối với Tráng A C. Nguyễn Thị L1 khẳng định Trần Đình Ch không liên quan, không biết việc mua bán ma túy của V, L1 với C, việc gọi Taxi của Ch để lên V, Sơn La là do L1 thực hiện, L1 bảo Ch đi thăm người nhà nên Ch không biết việc mua bán ma túy của L1.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Đỗ Thị V về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Đỗ Thị V tù Chung thân.

Áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 1999, tổng hợp hình phạt 30 năm tù tại Bản án số 09/2008-HSST ngày 18/3/2008 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Ninh Bình, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là tù Chung thân.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng: Đối với số vật chứng thu giữ của Đỗ Thị V: Số tiền 4.964.000

đồng; 01 túi vải thổ cẩm; 01 chiếc điện thoại Nokia màu đen, đề nghị trả lại bị cáo.

Đối với số vật chứng đang thu giữ của Trần Đình Ch đã được tách khỏi vụ án Tráng A C, Nguyễn Thị L1, xác định không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên đề nghị trả lại cho Trần Đình Ch.

Quan điểm của Luật sư Trần Bích L bào chữa cho bị cáo: Nhất trí với tội danh điều luật Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố đối với bị cáo, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết: bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, chồng đã chết và có đông con nhỏ, bản thân đang mắc bệnh ung thư giai đoạn cuối, đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Luật sư nhất trí với quan điểm của Kiểm sát viên về hình phạt tù, hình phạt bổ sung và xử lý vật chứng của vụ án.

Bị cáo nhất trí với ý kiến của Luật sư và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công tỉnh Sơn La, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, Luật sư bào chữa cho bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Trong quá trình điều tra bị cáo Đỗ Thị V không thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Song tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố, xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của Nguyễn Thị L1 và Tráng A C đã khai: Đỗ Thị V là người trực tiếp liên hệ mua bán Hêrôin với Tráng A C, sau khi được C thông báo có Hêrôin thì V đã bảo L1 đem tiền lên giao cho C và nhận Hêrôin về Ninh Bình giao cho V, V, L1 C đã 03 lần thực hiện hành vi mua bán Hêrôin, trong lần thực hiện hành vi mua bán lần thứ 3 (ngày 30/12/2014) thì Tráng A C và Nguyễn Thị L1 bị bắt quả tang. Hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh từ các chứng cứ sau:

- Biên bản bắt người phạm tội quả tang được tổ Công tác của cơ quan Công an lập hồi 7 giờ 30 ngày 30/12/2014 đối với Tráng A C (C đã khai nhận về hành vi mua bán Hêrôin với Nguyễn Thị L1);

- Biên bản mở niêm phong, xác định trọng lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong lại vật chứng do cơ quan Công an lập ngày 31/12/2014, đã xác định tổng trọng lượng 03 bánh hình khối chữ nhật nghi là Hêrôin là 1.033,5 gam;

- Kết luận giám định số: 52/KLMT ngày 31/12/2014 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Sơn La đã kết luận: “*Mẫu chất bột màu trắng ký hiệu CM1A, CM2A, CM3A đều có thành phần Hêrôin*”. Kết luận giám định số: 194/C54 (P7) ngày 22/01/2015 của Viện khoa học hình sự Tổng cục Cảnh sát, kết luận: “*Hàm lượng Hêrôin trong các mẫu ký hiệu CM1B: 35,8%; CM2B: 36%; CM3B: 35,5%*”.

- Biên bản kiểm tra thông tin điện thoại của Tráng A C có số thuê bao 0949795988 được lập ngày 30/12/2014 có lưu số điện thoại của Đỗ Thị V số 01693418766; Biên bản kiểm tra thông tin điện thoại của Nguyễn Thị L1 có số thuê bao 0975576298 và 0969074388 được lập ngày 30/12/2014 có lưu số điện thoại của Đỗ Thị V số 01693418766;

- Báo cáo chi tiết lịch sử liên lạc của số thuê bao của 01693418766 (Đỗ Thị V sử dụng) do tập đoàn viễn thông quân đội cung cấp thể hiện: trong thời gian các ngày 05 và 06/12/2014, ngày 17/12/2014, ngày 24, 29 và 30/12/2014 có nhiều cuộc gọi đi và đến của hai số điện thoại 0949795988 do C sử dụng và 01693418766 do V sử dụng; Báo cáo chi tiết lịch sử liên lạc của số thuê bao của 0969074388 (Nguyễn Thị L1 sử dụng) do tập đoàn viễn thông quân đội cung cấp thể hiện: trong thời gian các ngày 05 và 06/12/2014, ngày 18/12/2014, ngày 30/12/2014 có nhiều cuộc gọi đi và đến của hai số điện thoại 0969074388 do L1 sử dụng và số 0949795988 do C sử dụng;

Từ những chứng cứ nêu trên có cơ sở kết luận Đỗ Thị V là người trực tiếp liên hệ mua Hêrôin với Tráng A C, sau mỗi lần trao đổi thống nhất số lượng, giá cả Hêrôin với C, V đã thuê Nguyễn Thị L1 trực tiếp lên xã LL, huyện V, tỉnh Sơn La để giao tiền rồi nhận Hêrôin với C và đem về Ninh Bình giao cho V, sau đó V giao lại cho người đã thuê mua Hêrôin, trong đó có 02 lần đã thực hiện trót lọt hành vi mua bán 03 bánh Hêrôin, đến lần thứ ba thì bị phát hiện bắt quả tang và bị thu giữ 03 bánh Hêrôin, có trọng lượng 1.033,5 gam.

Hành vi trên của Đỗ Thị V đã phạm tội mua bán trái phép chất ma túy tội phạm và hình phạt quy định tại Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999. Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước ta mà còn gây mất trị an xã hội tại địa phương và là nguyên nhân gây ra các loại tội phạm khác gây bất bình trong quần chúng nhân dân, nên cần thiết phải xét xử nghiêm.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt:

Bị cáo Đỗ Thị V đã 03 lần thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy, trong đó 03 bánh Hêrôin bị thu giữ khi bắt quả tang đối với Tráng A C có trọng lượng 1.033,5 gam và 03 bánh Hêrôin mua bán trót lọt hai lần trước đó có trọng lượng tương đương 1.028,34 gam (tính theo trọng lượng của bánh Hêrôin thấp nhất trong 03 bánh Hêrôin đã bắt quả tang) tổng cộng là 2.061,84 gam, trong đó theo kết quả giám định hàm lượng Hêrôin trung bình của số Hêrôin bị thu giữ khi bắt quả tang là 35,766% (bằng 737,437 gam Hêrôin nguyên chất). Do đó bị cáo Đỗ Thị V phải chịu tình tiết định khung hình phạt theo điểm b, khoản 4 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, quy định mức hình phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã 3 lần thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy, ngoài ra bị cáo đang phải chấp hành Bản án số 09/2008-HSST ngày 18/3/2008 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Ninh Bình đã xử phạt 11 năm về tội mua bán trái phép chất ma túy và tổng hợp với hình phạt 21 năm 04 tháng 23 của Bản án số 139/2007 ngày 10/9/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh

Thanh hóa về tội mua bán trái phép chất ma túy và lưu hành tiền giả, buộc bị cáo Đỗ Thị V phải chấp hành hình phạt chung là 30 năm tù. Trong thời gian được hoãn chấp hành hình phạt tù “*do mắc bệnh ung thư giai đoạn cuối*” theo Quyết định Hoãn chấp hành hình phạt tù số 05/2014/QĐ-CA ngày 29/7/2014 của Chánh án Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Ninh Bình, bị cáo lại tiếp tục phạm tội đặc biệt nghiêm trọng. Do đó bị cáo đã vi phạm các tình tiết tăng nặng “*Phạm tội nhiều lần, tái phạm nguy hiểm*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, trong thời gian chung sống như vợ chồng với Mai Quang Tr bị cáo đã có 03 con chung đều còn nhỏ hiện Mai Quang Tr đã chết; bản thân bị cáo đang mắc bệnh hiểm nghèo, do đó cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo.

Ngoài ra, tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, theo quy định của pháp luật thì các chất nghi là ma túy đều được giám định hàm lượng để xác định trọng lượng (khối lượng) nguyên chất của chất ma túy và là căn cứ xem xét trách nhiệm hình sự, trong vụ án bị cáo Đỗ Thị V đã thực hiện hành vi mua bán trái phép 06 bánh Hêrôin (trong đó có 03 bánh do Tráng A C bị bắt quả tang và 03 bánh truy xét qua lời khai) tổng cộng là 2.061,84 gam, Kết luận giám định hàm lượng Hêrôin nguyên chất là 737,437 gam, xét đây là tình tiết có lợi cho bị cáo tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội cần được áp dụng khi quyết định mức hình phạt.

Từ những nhận định trên, xét mức hình phạt tù không thời hạn Luật sư và đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị tại phiên tòa là thỏa đáng, thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo, cần chấp nhận.

Ngoài ra, cần áp dụng khoản 2 Điều 50 Bộ luật hình sự năm 1999 tổng hợp hình phạt 30 năm tù tại bản án số 09/2008-HSST ngày 18/3/2008 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Ninh Bình, buộc bị cáo Đỗ Thị V phải chấp hành hình phạt chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét gia đình bị cáo khó khăn, có 03 con nhỏ chưa thành niên (người trực tiếp nuôi các con của bị cáo đã mất) bản thân bị cáo không có tài sản gì, nên miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Đối với Trần Đình Ch: Quá trình điều tra và tại phiên tòa Đỗ Thị V, Nguyễn Thị L1 và Trần Đình Ch đều xác định Ch không liên quan đến hành vi phạm tội của Đỗ Thị V, do đó không căn cứ xử lý.

[7] Về vật chứng vụ án:

- Đối với số vật chứng là chất ma túy thu giữ trong vụ án đã được xử lý tại bản án số 02/2015/HSST ngày 23/10/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Số vật chứng, tài sản thu giữ của Đỗ Thị V; đối với 01 túi vải thổ cẩm đã cũ; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, xét không liên quan đến vụ án cần trả lại cho bị cáo; đối với số tiền 4.964.000đ không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án về án phí.

- Đối với số vật chứng, tài sản thu giữ của Trần Đình Tr, gồm: số tiền

4.920.000 đồng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 208 màu đen; 01 chiếc Ô tô con nhãn hiệu Daewoo, loại xe Matiz mang biển kiểm soát 29S4090; 01 giấy phép lái xe số 370108008360 mang tên Trần Đình Tr; 01 giấy đăng ký Ô tô số 0032761 mang tên Nguyễn Văn Hoắc; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm mang tên Nguyễn Văn Hoắc; 01 giấy chứng nhận kiểm định mang tên Nguyễn Văn Hoắc; 01 giấy chứng nhận tập huấn lái xe Taxi mang tên Trần Đình Tr; 01 giấy bán xe có tên người bán là Phạm Xuân Kiên và người mua là Trần Đình Tr. Xét về số tiền 4.920.000đ Trần Đình Tr có được từ hợp đồng thuê xe của L1 số tiền này Ch có được là ngay thẳng và số tài sản, đồ vật khác đang thu giữ của Trần Đình Tr xét đều là tài sản hợp pháp của Trần Đình Tr và không liên quan đến vụ án, cần trả lại cho Trần Đình Tr.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Đỗ Thị V phạm tội: Mua bán trái phép chất ma túy.

2. Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 194, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Đỗ Thị V tù Chung thân.

- Căn cứ khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 1999, tổng hợp hình phạt 30 (ba mươi) năm tù tại Bản án số 09/2008-HSST ngày 18/3/2008 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Ninh Bình, buộc bị cáo Đỗ Thị V phải chấp hành hình phạt chung là tù Chung thân, tính từ ngày bị cáo bị bắt ngày 27/4/2017 (được trừ 18 ngày đã tạm giữ theo Bản án số 09/2008-HSST ngày 18/3/2008).

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. *Về vật chứng:* Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm a, khoản 2; điểm a, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, tuyên:

- Trả lại Đỗ Thị V: 01 túi vải thổ cẩm đã cũ; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia Model RM 1134, vỏ màu đen, Imei có 04 số cuối 0500 không có sim trong máy (đang thu giữ của Đỗ Thị V).

- Trả lại cho Trần Đình Tr: số tiền 4.920.000 đồng (Bốn triệu, chín trăm hai mươi nghìn đồng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia Model 208 vỏ màu đen, 2 Imei có 04 số cuối 722/4; 723/2 kèm 01 sim trong máy; 01 chiếc xe Ô tô con nhãn hiệu Daewoo, loại xe Matiz màu sơn xanh có biển kiểm soát 29S - 4090, xe có số máy F800073277, số khung VVAMM4H02346, xe không hoạt động được, không có chìa khóa, vỏ ngoài xe bị tróc sơn, xây xước nhiều chỗ; 01 giấy đăng ký Ô tô mang tên Nguyễn Văn Hoắc, BKS 29S - 4090 có số 0032761, do Công an Thành phố Hà Nội cấp tháng 7/2007; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô mang tên Nguyễn Văn Hoắc; 01 giấy chứng nhận kiểm định mang tên Nguyễn Văn Hoắc; 01 giấy chứng nhận tập huấn lái xe Taxi mang tên Trần Đình Tr; 01 giấy bán xe có tên người bán là Phạm Xuân Kiên và người mua là Trần Đình Tr, (đang thu giữ của Trần Đình Tr)

- Tạm giữ để đảm bảo thi hành án: số tiền 4.964.000đ (Bốn triệu, chín trăm sáu tư nghìn đồng) đang thu giữ của Đỗ Thị V.

4. *Về án phí*: Căn cứ khoản 2 Điều, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí: Bị cáo Đỗ Thị V phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo đối với Bản án*: Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (31/5/2018). Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (hoặc bản án được niêm yết).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La;
- Công an tỉnh Sơn La;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La;
- Bị cáo, người bào chữa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Phòng KTNV - THA;
- Lưu HS-AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã kí)

Đình Huy Hiệp